

Số: /2023/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định và Hướng dẫn xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ quy định Tiêu chuẩn Quốc gia tại TCVN 11856:2017 Chợ kinh doanh thực phẩm và điều kiện thực tế của địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 74/TTr-SCT ngày 12/10/2023 và Văn bản số 1791/SCT-QLTM&HTQT ngày 25/10/2023; Báo cáo thẩm định số 304/BC-STP ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định và Hướng dẫn thực hiện xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2023. Bãi bỏ Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
 - Bộ Công Thương (báo cáo);
 - Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp (báo cáo);
 - TTTU, TTHĐND tỉnh (báo cáo);
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Đại biểu HĐND tỉnh;
 - Như Điều 2;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các CPVP UBND tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Trung tâm Tin học - Công báo tin;
 - CV NCTH;
 - Lưu: VT.
- (Ng -b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Duy Thành

QUY ĐỊNH

Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về yêu cầu, tiêu chí xem xét, đánh giá và công nhận xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, bao gồm: Chợ nông thôn và cơ sở bán lẻ khác (*siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp*) theo Quy định tại Chương I Quyết định số: 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025¹.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý kinh doanh hoạt động hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Các chợ truyền thống tại các xã đã được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh.

¹ Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn” là hạ tầng thương mại được thiết lập tại địa bàn nông thôn, bao gồm chợ nông thôn hoặc cơ sở bán lẻ khác (*siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp*) theo tiêu chí quy định cụ thể đối với từng loại hình tại Chương II của Quy định này.

2. Nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Chợ nông thôn là chợ truyền thống ở các vùng nông thôn thuộc khu vực địa giới hành chính cấp xã không bao gồm địa bàn phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện và đáp ứng các tiêu chí quy định tại chương II của Hướng dẫn này.

4. Cơ sở bán lẻ khác:

4.1. Siêu thị mini ở nông thôn là loại hình siêu thị mini theo quy định tại khoản 11 điều 3 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính Phủ và đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 Chương II của Hướng dẫn này.

4.2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp ở nông thôn là loại hình cơ sở bán lẻ quy mô nhỏ và đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 4 Chương II của Hướng dẫn này.

5. Điểm kinh doanh tại chợ là quầy hàng, sạp hàng, ki ốt, cửa hàng được bố trí trong phạm vi chợ.

3. Các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số: 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương tại các xã trên địa bàn tỉnh.

4. Quy định này không áp dụng đối với các chợ, cơ sở bán lẻ khác tại địa bàn các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN

Điều 3. Chợ nông thôn

Có chợ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

1. Về mặt bằng, diện tích xây dựng chợ:

a) Có mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động; bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ thiết yếu tại chợ.

b) Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m².

2. Về kết cấu nhà chợ chính:

a) Nhà chợ chính phải đảm bảo được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy định.

b) Nền chợ phải được bê tông hóa.

3. Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:

a) Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ.

b) Có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng, phù hợp với quy mô của chợ.

c) Có địa điểm trông giữ xe (*ngoài trời hoặc có mái che*) đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự.

d) Khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm.

e) Có nước sạch, nước hợp vệ sinh bảo đảm cho hoạt động của chợ.

f) Có phương án và Hệ thống cấp điện theo quy định đảm bảo cho hoạt động của chợ, đảm bảo an toàn.

g) Có khu thu gom, lưu chứa rác và kế hoạch vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý tập trung của địa phương.

h) Có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm tiêu thoát, dễ dàng thông tắc.

i) Có thiết bị và phương án đảm bảo phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

4. Về điều hành quản lý chợ:

a) Có tổ chức quản lý chợ; việc tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý thực hiện theo quy định.

b) Có Nội quy chợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và niêm yết công khai tại chợ để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm tại chợ.

c) Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.

d) Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Cơ sở bán lẻ khác.

Cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Siêu thị mini

a) Có bảng hiệu thể hiện tên siêu thị, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức, cá nhân quản lý.

b) Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân.

c) Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 200m²; có bố trí nơi để xe hoặc phương án trông giữ xe và khu vệ sinh phù hợp cho khách hàng.

d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên; Hàng hóa được tổ chức, bố trí theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc mua sắm, thanh toán, kiểm tra, theo dõi, quản lý.

e) Có kho và các thiết bị kỹ thuật cần thiết cho bảo quản hàng hóa (tủ đông, tủ mát...); cho đóng gói, bán hàng (giá, kệ, giỏ, móc treo...); cho thanh toán và quản lý kinh doanh (thiết bị và phần mềm quản lý); có nơi bảo quản hành lý cá nhân.

f) Các công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, có trang bị kỹ thuật đảm bảo việc phòng cháy, chữa cháy an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

g) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại siêu thị mini không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp

a) Có biển hiệu thể hiện tên cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý.

b) Có thời gian mở cửa phù hợp cho việc mua sắm hàng ngày của người dân.

c) Có diện tích kinh doanh tối thiểu là 50m² và có nơi để xe với quy mô phù hợp.

- d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên.
- e) Có bố trí quầy hoặc khu vực phù hợp để trưng bày hoặc bán hàng hóa nông sản của địa phương.
- f) Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường, thuận tiện cho khách hàng.
- g) Có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ máy, kệ, giá...)
- h) Tổ chức, bố trí, sắp xếp và ghi chép hàng hóa một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc mua sắm, theo dõi, kiểm tra, quản lý.
- i) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các điểm kinh doanh nhỏ lẻ

- a) Có biển hiệu thể hiện tên cửa hàng kinh doanh, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của chủ cửa hàng quản lý.
- b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp có thẩm quyền cấp.
- c) Có diện tích kinh doanh tối thiểu là 20m²trở lên.
- d) Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 50 tên hàng trở lên.
- h) Tổ chức, bố trí, sắp xếp và ghi chép hàng hóa một cách văn minh, khoa học, thuận lợi cho việc mua sắm, theo dõi, kiểm tra, quản lý.
- i) Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III

XÉT CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN MỚI

Điều 5. Đối với xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới khi đáp ứng một trong các nội dung sau:

1. Có chợ nông thôn trong quy hoạch, kế hoạch phát triển, định hướng phát triển và đạt chuẩn theo quy định tại Điều 3, Chương II của bản Quy định này kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp xã không có chợ nông thôn phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Có tối thiểu 01 siêu thị mini đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

- Có tối thiểu 04 cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

Các siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp phải đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4, Chương II của Quy định và Hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

- Có tối thiểu 20 điểm kinh doanh nhỏ lẻ đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 4, Chương II của Quy định và Hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

Việc xét, công nhận xã đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: Xã có “Chợ nông thôn” được ưu tiên xét, công nhận trước; Trường hợp xã không có “Chợ nông thôn” thì “Cơ sở bán lẻ khác” được đưa ra để xem xét, đánh giá, công nhận .

Điều 6. Đối với xã không có hoặc chưa có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn hoặc có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa có nhu cầu đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các Tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

Điều 7. Thẩm quyền đánh giá

Sở Công thương là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, nhận xét, đánh giá các nội dung theo yêu cầu của Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đối với từng xã. Xây dựng báo cáo kết quả cụ thể trình Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh để xem xét quyết định.

UBND các huyện, thành phố và UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương để tổ chức kiểm tra, thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí theo đúng yêu cầu và thời gian quy định.

Chương IV

XÉT CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Điều 8. Đối với xã có chợ nông thôn.

Xã được công nhận đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn mới nâng cao khi đáp ứng một trong hai điều kiện sau đây:

1. Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Điều 3, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này và đồng thời

có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm đáp ứng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chí quy định tại TCVN 11856:2017 về chợ kinh doanh thực phẩm.

2. Là xã có chợ đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định tại Điều 3, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định này và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN 11856:2017. Trường hợp xã có chợ nhưng số cơ sở kinh doanh thực phẩm cố định nhỏ hơn 30% tổng số cơ sở kinh doanh cố định tại chợ thì không xem xét, đánh giá theo yêu cầu chung của tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm đã được quy định tại TCVN 11856:2017. Tuy nhiên vẫn phải đánh giá các hộ kinh doanh an toàn thực phẩm xem có đáp ứng các yêu cầu theo quy định không.

3. Các yêu cầu chung

3.1. Yêu cầu về vị trí, địa điểm

Chợ không bị ngập nước, đọng nước; không bị ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm từ các khu vực ô nhiễm bụi, hóa chất độc hại, các nguồn gây ô nhiễm khác; cách các nguồn gây ô nhiễm tối thiểu 500m.

Có mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động; bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ thiết yếu tại chợ.

Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m².

3.2. Yêu cầu về bố trí

- Thực hiện bố trí, sắp xếp các khu vực kinh doanh thuận lợi cho việc kinh doanh và bảo đảm an toàn thực phẩm. Chợ được phân khu chức năng thành từng khu vực riêng biệt nhằm tránh lây nhiễm chéo, được ngăn cách bởi đường đi có chiều rộng tối thiểu là 1,5 m.

Tại các khu vực kinh doanh có biển hiệu thông báo:

Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà...);

Khu vực kinh doanh thủy hải sản; rau, củ, quả; dịch vụ ăn uống;

Khu vực kinh doanh thực phẩm chín;

Khu vực kinh doanh thực phẩm khác;

Khu vực kinh doanh phi thực phẩm (quần áo, khu vực kinh doanh hàng gia dụng...) được bố trí tách biệt với các khu vực kinh doanh thực phẩm khác.

- Niêm yết sơ đồ chỉ dẫn phân khu của chợ tại cửa ra vào chính của chợ.

3.3. Yêu cầu về thiết kế

- Chợ được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, bảo đảm thời gian sử dụng tối thiểu là 5 năm trở lên.

- Sàn khu vực buôn bán thực phẩm thoát nước tốt; không đọng nước và dễ làm vệ sinh.

- Trần nhà, mái che, tường, cột làm bằng vật liệu bền, không bị dột, thấm nước; đảm bảo bậc chịu lửa tối thiểu bậc I, II đối với chợ kiên cố và bậc III đối với chợ bán kiên cố.

- Nền chợ phải được cứng hóa.

3.4. Yêu cầu về hệ thống chiếu sáng

Chợ được chiếu sáng đầy đủ bằng ánh sáng tự nhiên hoặc nhân tạo. Nguồn ánh sáng, cường độ ánh sáng bảo đảm dễ nhận biết, đáp ứng yêu cầu kiểm soát chất lượng an toàn sản phẩm.

3.5. Yêu cầu về nước sử dụng trong chợ và hệ thống thoát nước

- Có hệ thống cấp nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng, bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại chợ.
- Có hệ thống cấp, thoát nước đến từng hộ kinh doanh thị; thủy hải sản tươi sống; dịch vụ ăn uống.
- Chợ có hệ thống thoát nước, có đầy đủ hố ga, lưới chắn rác, nắp đậy ngăn mùi và thường xuyên làm vệ sinh, thông tắc.

3.6. Yêu cầu về kho, khu vực bảo quản thực phẩm (nếu có)

Kho, khu vực bảo quản thực phẩm cần:

- Duy trì điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, thông gió và các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm khác theo quy định và yêu cầu về bảo quản thực phẩm của nhà sản xuất.
- Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại.
- Sản phẩm thực phẩm không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm.

3.7. Yêu cầu đối với khu bán gia cầm sống và khu giết mổ gia cầm (nếu có)

Khu bán gia cầm sống và khu giết mổ gia cầm (nếu có) phải đáp ứng các quy định hiện hành.

Khu bán gia cầm sống phải tách biệt với khu bán thực phẩm khác với khoảng cách tối thiểu là 2,4m; thuận lợi cho việc vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, thu gom, xử lý nước thải, chất thải.

Khu giết mổ gia cầm tại chợ (nếu có) phải có đủ điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ.

3.8. Yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy

Chợ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định trong TCVN 6161 và các quy định hiện hành.

Khi thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan phải tuân thủ theo các quy định hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.

Điều kiện về an toàn phòng cháy chữa cháy đối với chợ phải tuân thủ theo các văn bản quy phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy hiện hành và các yêu cầu cơ bản sau:

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở.

- Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện; thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an.

- Có Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy hàng năm của cơ quan có thẩm quyền.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

3.9. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

- Có hoạt động dọn vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày; tần suất vệ sinh trong ngày bố trí phù hợp với chợ, bảo đảm giữ chợ sạch sẽ.

- Trang bị thùng chứa rác thải có nắp đậy kín tại các nơi công cộng trong chợ. Tại các vị trí đặt thùng rác công cộng có các biển thông báo giữ vệ sinh và chỉ dẫn bỏ rác đúng nơi quy định.

- Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm tại chợ.

3.10. Yêu cầu về nhà vệ sinh

- Nhà vệ sinh bố trí cách biệt với khu kinh doanh thực phẩm và được xây dựng đáp ứng điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn nhà tiêu dơi nước tự hoại; có số lượng phòng vệ sinh phù hợp với quy mô chợ; phòng vệ sinh nam, nữ được bố trí riêng biệt, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ. Nhà vệ sinh được xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn 25 hộ kinh doanh/nhà vệ sinh.

- Chỗ rửa tay có thể bố trí trong hoặc ngoài nhà vệ sinh; có đủ dụng cụ, xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay; có bảng hướng dẫn quy trình rửa tay và bảng chỉ dẫn “Rửa tay sau khi đi vệ sinh” ở nơi dễ nhìn.

3.11. Yêu cầu khác

- Có nội quy chợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có quy định về việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm kinh doanh tại chợ. Nội quy được niêm yết tại chợ và phổ biến cho các hộ kinh doanh thực hiện.

- Có tổ chức quản lý chợ.
- Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ.
- Có địa điểm trông giữ xe (ngoài trời hoặc có mái che) đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự.
- Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa.
- Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phương pháp đánh giá.

Chợ Đạt đạt tiêu chí CSHTTM nông thôn mới nâng cao khi 100% tiêu chí mức độ A và > 60% tiêu chí mức độ B được đánh giá đạt.

Việc đánh giá các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm được thực hiện như sau:

| TT | Tiêu chí | Mức độ đánh giá (A/B) | Đánh giá | | Hướng dẫn đánh giá |
|----------|--|-----------------------|----------|-----------|--|
| | | | Đạt | Không đạt | |
| I | Yêu cầu chung (Theo Mục 3) | | | | |
| | <i>Yêu cầu về vị trí, địa điểm (theo 3.1)</i> | | | | |
| 1 | Chợ không bị ngập nước, đọng nước (theo 3.1) | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 2 | Chợ không bị ảnh hưởng bởi các nguồn gây ô nhiễm; cách các nguồn gây ô nhiễm tối thiểu 500m (theo 3.1) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 3 | Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m ² . | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu về bố trí (theo 3.2)</i> | | | | |
| 4 | Bố trí khu vực kinh doanh (theo 3.2) | B | | | Có phương án bố trí khu vực kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| 5 | Phân khu chức năng (theo 3.2) | B | | | Đánh giá theo thực tế |

| TT | Tiêu chí | Mức độ đánh giá (A/B) | Đánh giá | | Hướng dẫn đánh giá |
|----|--|-----------------------|----------|-----------|---|
| | | | Đạt | Không đạt | |
| 6 | Tại các khu vực kinh doanh có biển hiệu thông báo (theo 3.2) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 7 | Sơ đồ chỉ dẫn phân khu của chợ tại cửa ra vào chính (theo 3.2) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu về thiết kế (theo 3.3)</i> | | | | |
| 8 | Chợ được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố (theo 3.3) | B | | | Đánh giá theo thực tế và theo thiết kế xây dựng |
| 9 | Sàn KV buôn bán thực phẩm (theo 3.3) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 10 | Trần, mái che, tường chợ (theo 3.3) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 11 | Nền chợ phải được cứng hóa | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu về hệ thống chiếu sáng (theo 3.4)</i> | | | | |
| 12 | Hệ thống chiếu sáng (theo 3.4) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu về nước SD trong chợ (theo 3.5)</i> | | | | |
| 13 | Nước sử dụng trong chợ (theo 3.5) | A | | | Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt hoặc hóa đơn sử dụng nước sinh hoạt hoặc phiếu kiểm nghiệm nước sinh hoạt, chứng nhận hợp quy chất lượng nước sinh hoạt. |
| 14 | Hệ thống cấp, thoát nước (theo 3.5) | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu về kho, khu vực bảo quản thực phẩm (nếu có) (theo 3.6)</i> | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 15 | Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, thông gió và các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm khác (theo 3.6) | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 16 | Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại (theo 4.6) | A | | | Đánh giá theo thực tế |

| TT | Tiêu chí | Mức độ đánh giá (A/B) | Đánh giá | | Hướng dẫn đánh giá |
|----|--|-----------------------|----------|-----------|--|
| | | | Đạt | Không đạt | |
| 17 | Trung bày thực phẩm trong kho (theo 3.6) | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu đối với khu bán gia cầm sống, khu giết mổ gia cầm tập trung tại chợ (nếu có) (theo 3.7)</i> | | | | |
| 18 | Tách biệt với khu bán thực phẩm khác với khoảng cách tối thiểu là 2,4m (theo 3.7.1) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 19 | Đủ điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ (theo 3.7.2) | A | | | Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh |
| | Yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy (theo 3.8) | A | | | Văn bản nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền |
| 20 | Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 21 | Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở. | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 22 | Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện; thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy. | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 23 | Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 24 | Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng | A | | | Đánh giá theo thực tế |

| TT | Tiêu chí | Mức độ đánh giá (A/B) | Đánh giá | | Hướng dẫn đánh giá |
|----|---|-----------------------|----------|-----------|---|
| | | | Đạt | Không đạt | |
| | chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ | | | | |
| 25 | Có phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 26 | Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 27 | Có Biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy hàng năm của cơ quan có thẩm quyền. | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 28 | Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định. | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| | Yêu cầu về vệ sinh môi trường (theo 3.9) | | | | |
| 29 | Thu gom rác thải (theo 3.9) | B | | | Giấy tờ chứng minh hoạt động thu gom rác thải định kỳ |
| 30 | Trang bị thùng rác và biển thông báo (theo 3.9) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 31 | Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu độc (theo 3.9) | B | | | Giấy tờ chứng minh |
| | Yêu cầu về nhà vệ sinh (theo 3.10) | | | | |
| 32 | Bố trí cách biệt, tiêu dòi nước tự hoại, 25 hộ kinh doanh/nhà vệ sinh (theo 3.10) | B | | | Đánh giá theo thực tế |

| TT | Tiêu chí | Mức độ đánh giá (A/B) | Đánh giá | | Hướng dẫn đánh giá |
|----|---|-----------------------|----------|-----------|---|
| | | | Đạt | Không đạt | |
| 33 | Trang thiết bị trong nhà VS (theo 3.10) | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| | <i>Yêu cầu khác (theo 3.11)</i> | | | | |
| 34 | Nội quy chợ (theo 3.11) | A | | | Nội quy chợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt |
| 35 | Tổ chức quản lý chợ (theo 3.11) | A | | | Có quyết định thành lập tổ chức quản lý chợ của cấp có thẩm quyền |
| 36 | Có bảng hiệu thể hiện tên chợ, địa chỉ và số điện thoại liên hệ của đại diện tổ chức quản lý chợ | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 37 | Có địa điểm trông giữ xe (ngoài trời hoặc có mái che) đáp ứng và phù hợp nhu cầu mua, bán tại chợ, đảm bảo an toàn, trật tự. | A | | | Đánh giá theo thực tế |
| 38 | Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường phù hợp để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa. | B | | | Đánh giá theo thực tế |
| 39 | Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện phải đảm bảo đáp ứng theo quy định của pháp luật hiện hành. | A | | | Đánh giá theo thực tế |

Điều 9. Đối với xã không có hoặc chưa có chợ nông thôn

Trường hợp xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao.

Việc xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các Tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

Điều 10. Thẩm quyền đánh giá

Sở Công thương là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, nhận xét, đánh giá các nội dung theo yêu cầu của Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đối với từng xã.

UBND các huyện, thành phố và UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương để tổ chức kiểm tra, thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí theo đúng yêu cầu và thời gian quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công thương

Là cơ quan chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện:

- Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá, tổng hợp báo cáo (6 tháng, báo cáo tổng kết năm) UBND tỉnh và Bộ Công Thương (Vụ thị trường trong nước) tình hình thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

3. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn các xã xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy tại các chợ, siêu thị theo Luật Phòng cháy chữa cháy và các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

Định kỳ, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy tại các cơ sở theo quy định. Kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm (nếu có).

4. UBND các huyện, thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đề xuất việc quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn để đáp ứng theo các yêu cầu của tiêu chí. Kiên quyết đưa ra khỏi quy hoạch các chợ không đáp ứng yêu cầu, xóa bỏ chợ tạm, chợ cóc trên địa bàn quản lý.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các xã trên địa bàn thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp và duy trì các công trình có liên quan đến tiêu chí hạ tầng thương mại nông thôn đáp ứng các yêu cầu theo quy định, hiệu quả trong sử dụng.

Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trên địa bàn về Sở Công thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Công thương để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.